

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ XYZ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 20/9/2021  
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình, ly hôn”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ XYZ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Ngọc Tiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Thanh Hào;

2. Bà Trương Thị Bích Tuyền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố XYZ, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố XYZ, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Bích Vân –Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố XYZ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 09/TB-TA ngày 05 tháng 7 năm 2021, Thông báo mở lại phiên tòa số 11/TB-TA ngày 16 tháng 8 năm 2021, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 14/TB-TA ngày 19 tháng 8 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 17/TB-TA ngày 14 tháng 9 năm 2021 giữa:

1 Nguyên đơn: Ông Lý Phước Hm, sinh năm 1984, địa chỉ: số 6xxx, phường X, thành phố XYZ, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm Qm, sinh năm 1985, địa chỉ: số 6xxx, phường X, thành phố XYZ, tỉnh An Giang.

Ông Hm có mặt; bà Qm vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lý Phước Hm trình bày: Ông Hm và bà Qm chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2013. Đến năm 2014, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã

thuận tình ly hôn theo Quyết định số 95/2014/QĐHNGĐ-ST ngày 08/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên. Đến năm 2017, vợ chồng chung sống lại với nhau và đăng ký kết hôn số 101 ngày 12/6/2017 tại Ủy ban nhân dân phường X, thành phố XYZ, tỉnh An Giang. Đến năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau nên ông Hm yêu cầu ly hôn với bà Qm.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, ông Hm và bà Qm có 02 (hai) con chung tên Lý Nc (Lý Tm), sinh ngày 23/7/2013 và Lý Bc, sinh ngày 20/10/2018. Hiện nay 02 con chung đang sống bà Qm và được bà Qm chăm sóc nuôi dạy; ông Hm đồng ý giao 02 con chung cho bà Qm nuôi và cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Theo biên bản lời khai trong quá trình giải quyết, bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm Qm trình bày:* Thông nhất với ý kiến trình bày của ông Hm về điều kiện đi đến hôn nhân. Vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và không sống chung, tình cảm vợ chồng không còn nên bà Qm đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà Qm và ông Hm có 02 (hai) con chung Lý Nc (Lý Tm), sinh ngày 23/7/2013 và Lý Bc, sinh ngày 20/10/2018 hiện đang sống cùng bà Qm nên bà Qm yêu cầu tiếp tục nuôi dạy và yêu cầu ông Hm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng/ cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do bà Qm vắng mặt.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn ông Lý Phước Hm vẫn giữ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bà Qm, con chung giao cho bà Qm tiếp tục nuôi dạy và cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 2.000.000 đồng/tháng.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Ông Hm, bà Qm chung sống với nhau có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Ông Hm khởi kiện xin ly hôn và được bà Qm đồng ý ly hôn. Do đó, đề nghị Hội đồng

xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Hm như theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Các đương sự thống nhất giao con chung cho bà Qm tiếp tục nuôi dạy và phù hợp với nguyện vọng của cháu Lý Nc (Lý Tm). Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung Lý Nc, sinh ngày 23/7/2013, Lý Bc, sinh ngày 20/10/2018 cho bà Qm tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, bà Qm yêu cầu ông Hm cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng /tháng cho mỗi cháu đến khi các cháu trưởng thành nhưng không chứng minh được thu nhập thực tế của ông Hm, không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho mức yêu cầu cấp dưỡng 5.000.000 đồng /tháng cho mỗi cháu nên không có cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên, theo quy định pháp luật cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng tối thiểu không dưới  $\frac{1}{2}$  mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con (tương đương 745.000 đồng /tháng/cháu) nên việc ông Hm có nguyện vọng cấp dưỡng 1.000.000 đồng /tháng /cháu là phù hợp quy định pháp luật cần chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Lý Phước Hm khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Cẩm Qm. Bà Qm cư trú tại số 236 Thủ Khoa Nghĩa, khóm 4, phường X, thành phố XYZ. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố XYZ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị Cẩm Qm đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Qm.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lý Phước Hm và bà Nguyễn Thị Cẩm Qm chung sống với nhau từ năm 2017, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, thành phố XYZ theo giấy chứng nhận kết hôn số 101 ngày 12/6/2017 nên là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

*Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.*

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nhưng cuộc sống hôn nhân giữa ông Hm, bà Qm xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung với nhau; vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà Qm cho rằng do bận công việc làm ăn nên vợ chồng không sống chung nhà và phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Tình cảm vợ chồng không còn nên bà Qm đồng ý ly hôn với ông Hm.

Từ những căn cứ nêu trên, nhận thấy mâu thuẫn gia đình giữa ông Hm với bà Qm là trầm trọng, đã không còn chung sống với nhau, vợ chồng không ai quan tâm, chăm sóc cho ai, có kéo dài quan hệ hôn nhân thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được, theo lời khai bà Qm trong quá trình tiến hành tố tụng cũng đồng ý ly hôn với ông Hm nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Hm như theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Ông Hm, bà Qm cùng xác định trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Lý Nc (Lý Tm), sinh ngày 23/7/2013 và Lý Bc, sinh ngày 20/10/2018. Hiện nay, bà Qm đang nuôi dạy 02 con chung và có yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy là phù hợp với nguyện vọng cháu Bảo Ngọc. Ông Hm cũng đồng ý giao cháu Bảo Ngọc, Bảo Châu cho bà Qm tiếp tục nuôi dạy. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Hm, giao cháu Lý Nc (Lý Tm), Lý Bc cho bà Qm tiếp tục nuôi dạy.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Qm có yêu cầu ông Hm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng/cháu nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh thu nhập hàng tháng của ông Hm cũng như không cung cấp bảng kê nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng như theo quy định tại Điều 116 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Tòa án tiến hành xác minh thể hiện ông Hm sống cùng với bà Ngô Thái Á (mẹ ông Hm) và làm nghề kinh doanh dịch vụ cầm đồ, vốn kinh doanh, nhà đất đều thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Ngô Thái Á là phù hợp với lời khai của ông Hm không có tài sản, không có thu nhập riêng nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Qm về mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng/cháu.

Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Do đó, việc ông Lý Phước Hm chỉ chấp nhận mức cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị Cẩm Qm cùng các thành viên gia đình (nếu có) không

được cản trở ông Lý Phước Hm trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[2.5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông Lý Phước Hm phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 600.000 (*Sáu trăm nghìn*) đồng nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0004326 ngày 04/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố XYZ. Ông Lý Phước Hm còn phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Cẩm Qm không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lý Phước Hm. Ông Lý Phước Hm được ly hôn với bà Nguyễn Thị Cẩm Qm.

[2] Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Cẩm Qm được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Lý Nc (Lý Tm), sinh ngày 23/7/2013 và Lý Bc, sinh ngày 20/10/2018. Ông Lý Phước Hm có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Cẩm Qm cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lý Phước Hm trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông Lý Phước Hm phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 600.000 (*Sáu trăm nghìn*) đồng nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0004326 ngày 04/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố XYZ. Ông Lý Phước Hm còn phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Cẩm Qm không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Giấy chứng nhận kết hôn số 101 ngày 12/6/2017 của Ủy ban nhân dân phường X, thành phố XYZ, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[5] Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Lý Phước Hm có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Cẩm Qm là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được công bố hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. XYZ (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.XYZ (1);
- Các đương sự;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Ngọc Tiên**